

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05 tháng 02 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Phúc Tùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Nguyễn Bảo Trung	Chủ tịch	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch ngày 13/03/2023, miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị ngày 25/04/2023
Bà Phạm Thị Anh Thư	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Lê Tất Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Tạ Mạnh Cường	Thành viên	Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch ngày 13/03/2023, miễn nhiệm chức danh Chủ tịch và tái bổ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị ngày 25/04/2023
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tất Hưng	Giám đốc	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2023 và miễn nhiệm ngày 01/08/2023
Ông Phan Duy Vân	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Trần Trọng Tâm	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2023 và miễn nhiệm ngày 01/08/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Hậu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Lê Hồng Quang	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25/04/2023
Ông Mai Trọng Tài	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25/04/2023
Bà Dương Thanh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2023
Bà Trần Thị Kim Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/04/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính).

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Số: 080324.006/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại được lập ngày 08 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã thanh lý tàu vận tải biển cuối cùng trong năm 2023 và toàn bộ đội xe container vào tháng 2 năm 2024. Theo định hướng của Ban lãnh đạo Công ty, Công ty dự kiến sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cho thuê tòa nhà văn phòng (đã đưa vào sử dụng từ tháng 01 năm 2024). Đối với hoạt động vận tải biển, Công ty dự định sẽ thuê định hạn tàu biển để khai thác hoặc đầu tư mới tàu container. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Đỗ Hoàng Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5220-2020-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		155.024.001.516	142.156.669.754
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	17.141.970.723	53.758.605.295
111	1. Tiền		17.141.970.723	51.758.605.295
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	2.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		65.100.000.000	60.200.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	65.100.000.000	60.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		61.382.770.363	13.189.578.292
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	60.842.352.298	3.822.095.576
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	720.399.690	9.013.772.099
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.224.245.380	1.371.019.262
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.404.227.005)	(1.017.308.645)
140	IV. Hàng tồn kho	9	137.016.104	6.051.197.117
141	1. Hàng tồn kho		137.016.104	6.051.197.117
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.262.244.326	8.957.289.050
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	365.934.456	1.336.182.485
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.894.309.870	7.616.106.565
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2.000.000	5.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		42.486.924.241	31.925.426.050
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	85.500.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	85.500.000
220	II. Tài sản cố định		11.586.301.728	29.684.378.175
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	4.331.005.728	22.411.290.962
222	- Nguyên giá		7.625.854.357	73.449.923.595
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.294.848.629)	(51.038.632.633)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	7.255.296.000	7.273.087.213
228	- Nguyên giá		7.310.296.000	7.310.296.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(55.000.000)	(37.208.787)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		30.122.311.313	1.648.649.162
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	30.122.311.313	1.648.649.162
260	VI. Tài sản dài hạn khác		778.311.200	506.898.713
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	778.311.200	8.822.915
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29a	-	498.075.798
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		197.510.925.757	174.082.095.804

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠISố 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê,
quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		16.158.680.829	21.587.777.577
310	I. Nợ ngắn hạn		16.158.680.829	21.587.777.577
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	4.982.746.962	7.395.406.218
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	9.601.815.926	9.189.365.102
314	3. Phải trả người lao động		983.846.621	3.854.248.074
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	8.610.000	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	90.910.308	104.515.996
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		490.751.012	1.044.242.187
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		181.352.244.928	152.494.318.227
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	181.352.244.928	152.494.318.227
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		86.000.000.000	86.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		86.000.000.000	86.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.007.985.000	5.007.985.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		11.496.562.246	9.028.443.507
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		78.847.697.682	52.457.889.720
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		38.822.794.756	3.095.514.945
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		40.024.902.926	49.362.374.775
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		197.510.925.757	174.082.095.804

Trần Thị Thanh Nhạn
Người lậpTrần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởngLê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	65.445.578.051	167.446.381.528
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		65.445.578.051	167.446.381.528
11	4. Giá vốn hàng bán	21	68.611.018.965	144.626.701.657
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(3.165.440.914)	22.819.679.871
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.909.221.469	4.921.062.188
22	7. Chi phí tài chính	23	35.879.358	3.693.458.906
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	244.507.069
25	8. Chi phí bán hàng	24	981.603.204	842.906.880
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7.311.018.028	8.302.677.264
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.584.720.035)	14.901.699.009
31	11. Thu nhập khác	26	55.899.123.498	45.910.653.716
32	12. Chi phí khác	27	233.377.036	566.307.197
40	13. Lợi nhuận khác		55.665.746.462	45.344.346.519
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50.081.026.427	60.246.045.528
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	9.558.047.703	11.381.746.551
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29b	498.075.798	(498.075.798)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>40.024.902.926</u>	<u>49.362.374.775</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	4.375	5.641




Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập



Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng




Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		50.081.026.427	60.246.045.528
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		7.375.123.297	12.748.742.106
03	- Các khoản dự phòng		386.918.360	(3.814.629.552)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(81.795.979)	2.537.161.342
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(60.569.100.169)	(47.946.392.720)
06	- Chi phí lãi vay		-	244.507.069
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.807.828.064)	24.015.433.773
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(5.074.722.409)	119.993.356
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		5.914.181.013	(830.471.844)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(6.583.616.987)	(3.255.504.291)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		200.759.744	336.021.184
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(247.241.973)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.206.802.962)	(2.096.631.500)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.400.467.400)	(372.892.800)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(18.958.497.065)	17.668.705.905
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(18.906.423.429)	(10.116.981.428)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		11.385.388.106	54.074.036.680
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(123.600.000.000)	(135.600.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		118.700.000.000	132.600.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.058.093.554	3.674.151.880
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.362.941.769)	44.631.207.132
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	21.034.555.535
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(26.294.998.871)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.320.000.000)	(8.600.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10.320.000.000)	(13.860.443.336)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(36.641.438.834)	48.439.469.701
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		53.758.605.295	7.851.323.417
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		24.804.262	(2.532.187.823)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>17.141.970.723</u>	<u>53.758.605.295</u>



Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập



Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng




Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần đăng ký lần đầu số 0203000006 ngày 31 tháng 03 năm 2000, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số 0200387594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05 tháng 02 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 86.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 86.000.000.000 đồng; tương đương 8.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 29 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 66 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải đường bộ và vận tải biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý: tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước: cung ứng và cho thuê thuyền viên;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2023, Công ty chỉ còn khai thác tàu Transco Glory, mặt bằng giá cước vận tải biển giảm mạnh so với năm trước, hoạt động thương mại sụt giảm do ảnh hưởng chung của suy thoái kinh tế gây khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn hàng phù hợp. Do vậy, kết quả hoạt động kinh doanh chính của Công ty năm nay sụt giảm mạnh so với năm trước mặc dù việc thanh lý tàu Transco Glory vào cuối năm 2023 cũng đã mang lại một khoản thu nhập lớn. Thông tin chi tiết được trình bày tại các Thuyết minh số 20, 21 và 26.

Với việc đã thanh lý tàu vận tải biển cuối cùng trong năm 2023 và toàn bộ đội xe container vào tháng 2 năm 2024, Công ty dự kiến sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cho thuê tòa nhà văn phòng (đã đưa vào sử dụng từ tháng 01 năm 2024). Đối với hoạt động vận tải biển, Công ty dự định sẽ thuê định hạn tàu biển để khai thác hoặc đầu tư mới tàu container. Do vậy, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc là chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ vận tải.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

Báo cáo tài chính

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

Báo cáo tài chính

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

Báo cáo tài chính

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03	năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích	khấu hao
- Phần mềm quản lý	03	năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

Báo cáo tài chính

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

c) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

Báo cáo tài chính

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	47.746.591	36.043.293
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.094.224.132	51.722.562.002
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
	<u>17.141.970.723</u>	<u>53.758.605.295</u>

4 . ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	65.100.000.000	-	60.200.000.000	-
	<u>65.100.000.000</u>	<u>-</u>	<u>60.200.000.000</u>	<u>-</u>

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 65.100.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất từ 5,3%/năm đến 7,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,
phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	128.626.089	-	751.539.600	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Transimex tại Hà Nội	23.544.000	-	751.539.600	-
Công ty Cổ phần Transimex	105.082.089	-	-	-
<i>Bên khác</i>	60.713.726.209	(1.404.227.005)	3.070.555.976	(1.017.308.645)
IMA International Shipping S.A.	57.117.134.404	-	-	-
Woongji Shipping Company Limited	1.312.681.005	(1.312.681.005)	1.322.518.065	(925.762.645)
Công ty TNHH MTV Tâm Minh Đức	-	-	530.447.676	-
Công ty Cổ phần Logistics U&I - Miền Bắc	1.306.476.000	-	973.224.235	-
Phải thu khách hàng khác	977.434.800	(91.546.000)	244.366.000	(91.546.000)
	60.842.352.298	(1.404.227.005)	3.822.095.576	(1.017.308.645)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng GM	-	-	8.452.201.963	-
Công ty TNHH Thang máy Mitsubishi Việt Nam	296.727.750	-	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Công trình Xây dựng Hải Phòng	236.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	187.671.940	-	561.570.136	-
	720.399.690	-	9.013.772.099	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi	721.502.740	-	920.523.288	-
Phải thu người lao động về thuế thu nhập cá nhân	101.220.554	-	12.354.530	-
Tạm ứng	247.399.722	-	413.376.764	-
Ký cược, ký quỹ	85.500.000	-	-	-
Phải thu khác	68.622.364	-	24.764.680	-
	1.224.245.380	-	1.371.019.262	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hải Phòng	721.502.740	-	889.183.562	-
Hoàng Xuân Phương	176.065.010	-	136.735.649	-
Các đối tượng khác	326.677.630	-	345.100.051	-
	1.224.245.380	-	1.371.019.262	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	-	-	85.500.000	-
	-	-	85.500.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Phan Duy Văn	-	-	10.000.000	-
Trần Trọng Tâm	-	-	15.821.600	-
	-	-	25.821.600	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Woongji Shipping Company Limited	1.312.681.005	-	1.322.518.065	396.755.420
- Ông Bùi Văn Hạt	91.546.000	-	91.546.000	-
	1.404.227.005	-	1.414.064.065	396.755.420

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

Báo cáo tài chính

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	137.016.104	-	6.051.197.117	-
	137.016.104	-	6.051.197.117	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Dự án Xây dựng tòa nhà văn phòng và cho thuê (*)	30.122.311.313	1.648.649.162
	30.122.311.313	1.648.649.162

(*) Tên dự án: Xây dựng tòa nhà văn phòng và cho thuê Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại

- Địa điểm xây dựng: Số 05 Lô 2B, Khu đô thị mới Ngã năm Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Mục đích xây dựng: xây dựng nhà văn phòng làm việc và cho thuê văn phòng làm việc;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại;
- Nguồn vốn đầu tư: 100% vốn tự có của Công ty;
- Quy mô của dự án: tổng diện tích sàn 2.665 m² với 5 tầng nổi, 1 tầng hầm, 1 tầng lửng, 1 tầng áp mái kết cấu bê tông cốt thép;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: khoảng 40.584.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng);
- Dự án bắt đầu triển khai từ tháng 8 năm 2022 và dự kiến hoàn thành sau 12 tháng kể từ ngày khởi công công trình;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023: Dự án đã cơ bản hoàn thành xây dựng phần thô bên ngoài cũng như phần kiến trúc bên trong bao gồm lắp đặt hệ thống điện, nước, thang máy... Công ty đã đưa vào sử dụng và khai thác văn phòng để cho thuê từ tháng 01 năm 2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Báo cáo tài chính

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*) VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	73.414.514.164	35.409.431	73.449.923.595
- Thanh lý tàu Transco Glory	(65.824.069.238)	-	(65.824.069.238)
Số dư cuối năm	7.590.444.926	35.409.431	7.625.854.357
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	51.003.223.202	35.409.431	51.038.632.633
- Khấu hao trong năm	7.357.332.084	-	7.357.332.084
- Thanh lý tàu Transco Glory	(55.101.116.088)	-	(55.101.116.088)
Số dư cuối năm	3.259.439.198	35.409.431	3.294.848.629
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	22.411.290.962	-	22.411.290.962
Tại ngày cuối năm	4.331.005.728	-	4.331.005.728

(*) Ngày 05 tháng 02 năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Quyết định số 10/2024/QĐ-HĐQT về việc thanh lý 05 xe container và 05 somi romooc cho Công ty Cổ phần Transimex (công ty mẹ) với tổng nguyên giá là 6.199.401.290 đồng, giá trị còn lại đến ngày 31 tháng 01 năm 2024 là 4.266.428.632 đồng, giá trị thanh lý là 4.607.742.723 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Việc thanh lý đã hoàn tất vào ngày 07 tháng 02 năm 2024.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.255.296.000	55.000.000	7.310.296.000
Số dư cuối năm	7.255.296.000	55.000.000	7.310.296.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	37.208.787	37.208.787
- Khấu hao trong năm	-	17.791.213	17.791.213
Số dư cuối năm	-	55.000.000	55.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	7.255.296.000	17.791.213	7.273.087.213
Tại ngày cuối năm	7.255.296.000	-	7.255.296.000

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 55.000.000 đồng.

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài với diện tích đất 595 m² tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm tàu	244.270.827	238.645.557
Chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Glory	-	1.048.441.312
Chi phí đội xe container	121.663.629	49.095.616
	365.934.456	1.336.182.485
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước đầu tư Tòa nhà văn phòng	529.612.260	-
Chi phí đội xe container	248.698.940	8.822.915
	778.311.200	8.822.915

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Monjasa PTE Ltd	-	-	3.325.585.270	3.325.585.270
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	-	-	1.178.831.053	1.178.831.053
Wongsamut Ocean Shipping Company Limited	-	-	935.763.840	935.763.840
KPI Oceanconnect Pte Ltd	2.341.478.689	2.341.478.689	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng GM	1.225.866.809	1.225.866.809	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	1.415.401.464	1.415.401.464	1.955.226.055	1.955.226.055
	4.982.746.962	4.982.746.962	7.395.406.218	7.395.406.218

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày: 31/12/2023

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	9.183.115.102	9.558.047.703	9.206.802.962	9.206.802.962	-	9.534.359.843	-	-	9.534.359.843
Thuế Thu nhập cá nhân	-	6.250.000	628.782.844	567.576.761	567.576.761	-	67.456.083	-	-	67.456.083
Thuế nhà đất	-	-	8.925.000	8.925.000	8.925.000	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	5.000.000	-	3.000.000	-	-	2.000.000	-	2.000.000	-	-
	5.000.000	9.189.365.102	10.198.755.547	9.783.304.723	9.783.304.723	2.000.000	9.601.815.926	2.000.000	2.000.000	9.601.815.926

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	VND	VND	VND
- Cước viễn thông quốc tế tàu Transco Glory	8.610.000	-	-	-
	8.610.000	-	-	-

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	VND	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	34.263.316	72.425.752	72.425.752	72.425.752
- Phải trả về tiền ăn ca của nhân viên đội xe container	56.646.992	12.900.000	12.900.000	12.900.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	19.190.244	19.190.244	19.190.244
	90.910.308	104.515.996	104.515.996	104.515.996

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Đồng Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND				
Số dư đầu năm trước	86.000.000.000		5.007.985.000	8.166.356.695	13.592.105.332	112.766.447.027
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	49.362.374.775	49.362.374.775
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	862.086.812	(10.496.590.387)	(9.634.503.575)
Số dư cuối năm trước	86.000.000.000	5.007.985.000	5.007.985.000	9.028.443.507	52.457.889.720	152.494.318.227
Số dư đầu năm nay	86.000.000.000	5.007.985.000	5.007.985.000	9.028.443.507	52.457.889.720	152.494.318.227
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	40.024.902.926	40.024.902.926
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.468.118.739	(13.635.094.964)	(11.166.976.225)
Số dư cuối năm nay	86.000.000.000	5.007.985.000	5.007.985.000	11.496.562.246	78.847.697.682	181.352.244.928

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ		Số tiền
	Tỷ lệ	%	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100	100	49.362.374.775
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00	5,00	2.468.118.739
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,72	1,72	846.976.225
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	20,91	20,91	10.320.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	72,38	72,38	35.727.279.811

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Công ty Cổ phần Transimex	54,04	46.477.600.000	42,581,800,000	42.581.800.000
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTRP	33,49	28.800.000.000	28.800.000.000	28.800.000.000
Các cổ đông khác	12,47	10.722.400.000	14.618.200.000	14.618.200.000
	100	86.000.000.000	100	86.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	86.000.000.000	86.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	86.000.000.000	86.000.000.000
Cổ tức:		
- Cổ tức phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức phải trả trong năm	10.320.000.000	8.600.000.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	10.320.000.000	8.600.000.000
- Cổ tức đã chi trả bằng tiền	(10.320.000.000)	(8.600.000.000)
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	(10.320.000.000)	(8.600.000.000)
- Cổ tức còn phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	11.496.562.246	9.028.443.507
	11.496.562.246	9.028.443.507

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	10.000.000	462.388.500
	10.000.000	462.388.500

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	678.488,16	2.143.980,59

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Dịch vụ Vận Xuân	185.771.630	185.771.630
Công ty Cổ phần Vật tư Kim khí Tiến Ngọc	82.430.000	82.430.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	55.881.166.247	155.297.724.919
Doanh thu bán hàng hóa	2.061.194.001	1.907.973.792
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.503.217.803	10.240.682.817
	65.445.578.051	167.446.381.528
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan	1.020.661.372	3.711.053.600
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)</i>		

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn hoạt động vận tải biển	59.639.520.603	133.064.752.796
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.166.656.148	1.950.731.657
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.804.842.214	9.611.217.204
	68.611.018.965	144.626.701.657

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

Tổng giá trị mua vào:	14.850.000	9.560.000
Trong đó:		
+ Đã kết chuyển vào giá vốn hàng bán	14.850.000	9.560.000

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	4.859.073.006	3.895.716.401
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	968.352.484	1.025.345.787
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	81.795.979	-
	5.909.221.469	4.921.062.188

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	244.507.069
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	35.879.358	911.790.495
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	2.537.161.342
	35.879.358	3.693.458.906

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Hoa hồng phí cho các tàu	981.603.204	842.906.880
	981.603.204	842.906.880

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.214.844	80.656.220
Chi phí nhân công	5.058.771.859	5.209.185.247
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.791.213	204.678.308
Thuế, phí, lệ phí	30.625.000	28.125.000
Chi phí dự phòng	386.918.360	262.698.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.049.186.868	1.443.719.252
Chi phí khác bằng tiền	731.509.884	1.073.614.789
	7.311.018.028	8.302.677.264

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tàu Transco Glory	55.710.027.163	44.050.676.319
Tiền phạt thu được	100.489.502	1.631.986.513
Thu nhập từ công nợ không phải trả	-	220.918.038
Thu nhập khác	88.606.833	7.072.846
	55.899.123.498	45.910.653.716

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền phạt, truy thu theo quyết định của cơ quan thuế	-	284.349.754
Khoản thưởng cho xếp dỡ hàng nhanh	222.006.494	134.353.334
Chi phí khác	11.370.542	147.604.109
	233.377.036	566.307.197

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.081.026.427	60.246.045.528
Các khoản điều chỉnh tăng	168.292.531	2.925.152.853
- Chi phí không hợp lệ	168.292.531	434.773.863
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	2.490.378.990
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.577.519.745)	(8.745.623.124)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(87.140.755)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(8.138.906.961)
- Tăng chi phí do phân bổ chi phí sửa chữa năm 2021 vào năm 2022	-	(385.798.125)
- Thu nhập khác tính vào năm 2021 theo biên bản thanh tra thuế	-	(220.918.038)
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm trước	(2.490.378.990)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	47.671.799.213	54.425.575.257
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	9.534.359.843	10.885.115.051
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	23.687.860	496.631.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	9.183.115.102	(101.999.949)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(9.206.802.962)	(2.096.631.500)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	9.534.359.843	9.183.115.102

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

29 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0%	0%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	498.075.798
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	498.075.798

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	498.075.798	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(498.075.798)
	498.075.798	(498.075.798)

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	40.024.902.926	49.362.374.775
Các khoản điều chỉnh:	(2.401.494.176)	(846.976.225)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(2.401.494.176)	(846.976.225)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	37.623.408.750	48.515.398.550
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.600.000	8.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.375	5.641

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2023, Công ty dự kiến trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với mức 6% lợi nhuận sau thuế năm 2023 và thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, dẫn tới việc trình bày lại Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

	Năm 2022	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	49.362.374.775	49.362.374.775
Các khoản điều chỉnh:	(2.961.742.487)	(846.976.225)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(2.961.742.487)	(846.976.225)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	46.400.632.288	48.515.398.550
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.600.000	8.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.395	5.641

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.207.734.102	80.662.582.762
Chi phí nhân công	16.365.068.272	26.839.220.619
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.375.123.297	12.748.742.106
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.648.423.793	26.691.617.476
Chi phí khác bằng tiền	3.753.716.225	4.616.692.733
	74.350.065.689	151.558.855.696

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền	17.094.224.132	-	-	17.094.224.132
Phải thu khách hàng, phải thu khác	60.662.370.673	-	-	60.662.370.673
Các khoản cho vay	65.100.000.000	-	-	65.100.000.000
	142.856.594.805	-	-	142.856.594.805
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.722.562.002	-	-	53.722.562.002
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.175.806.193	85.500.000	-	4.261.306.193
Các khoản cho vay	60.200.000.000	-	-	60.200.000.000
	118.098.368.195	85.500.000	-	118.183.868.195

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	5.073.657.270	-	-	5.073.657.270
Chi phí phải trả	8.610.000	-	-	8.610.000
	5.082.267.270	-	-	5.082.267.270
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.499.922.214	-	-	7.499.922.214
	7.499.922.214	-	-	7.499.922.214

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài sự kiện đã được công bố tại Thuyết minh số 11 - Tài sản cố định hữu hình, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động vận tải biển VND	Hoạt động vận tải đường bộ và dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	57.942.360.248	7.503.217.803	65.445.578.051
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.863.816.503)	698.375.589	(3.165.440.914)
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	28.473.662.151	28.473.662.151
Tài sản bộ phận trực tiếp	57.500.312.671	45.925.609.199	103.425.921.870
Tài sản không phân bổ			94.085.003.887
Tổng tài sản	57.500.312.671	45.925.609.199	197.510.925.757
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	3.060.619.322	1.962.213.061	5.022.832.383
Nợ phải trả không phân bổ			11.135.848.446
Tổng nợ phải trả	3.060.619.322	1.962.213.061	16.158.680.829

Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Quốc tế VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.503.217.803	57.942.360.248	65.445.578.051
Tài sản bộ phận	45.925.609.199	57.500.312.671	103.425.921.870
Tài sản không phân bổ			94.085.003.887
Tổng chi phí mua tài sản cố định	28.473.662.151	-	28.473.662.151

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ
Công ty TNHH Nippon Express (Việt Nam)	Công ty liên kết của công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải container Hải An	Công ty liên kết của công ty mẹ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	Ông Lê Phúc Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty này
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty là Phó Giám đốc Công ty này
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Bà Vũ Thị Hậu - Trưởng ban kiểm soát Công ty là Kế toán trưởng Công ty này
Công ty Cổ phần Cảng Mipeco	Ông Tạ Mạnh Cường là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty và công ty này; Ông Mai Trọng Tài - Thành viên Ban kiểm soát Công ty đồng thời là Kế toán trưởng công ty này

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công ty và người có liên quan của các cá nhân này

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 05 Lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi,

phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu	1.020.661.372	3.711.053.600
Công ty Cổ phần Transimex	851.501.372	3.711.053.600
Công ty TNHH Nippon Express (Việt Nam)	169.160.000	-
Mua dịch vụ	14.850.000	9.560.000
Công ty Cổ phần Transimex	12.430.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	2.120.000	8.360.000
Công ty TNHH Vận tải container Hải An	300.000	1.200.000
Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty:	2.077.364.000	1.591.742.652
Ông Lê Phúc Tùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	40.000.000	-
Ông Nguyễn Bảo Trung - Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị	19.000.000	36.000.000
Ông Lê Duy Hiệp - Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	33.000.000
Ông Tạ Mạnh Cường - Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị, hiện là Thành viên Hội đồng quản trị	39.000.000	3.000.000
Ông Vương Ngọc Sơn - Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	22.000.000	36.000.000
Ông Lê Tất Hưng - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc	855.704.000	821.292.298
Bà Phạm Thị Anh Thư - Thành viên Hội đồng quản trị	46.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị	24.000.000	-
Ông Phan Duy Vân - Nguyên Phó Giám đốc	370.300.000	626.450.354
Ông Trần Trọng Tâm - Nguyên Phó Giám đốc	380.560.000	-
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Nguyên Phó Giám đốc	320.800.000	-
Thu nhập của các thành viên trong Ban Kiểm soát	98.000.000	72.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu do Công ty lập và chưa được kiểm toán do năm 2023 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp.



Trần Thị Thanh Nhạn
Người lập



Trần Thị Thanh Nhạn
Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 03 năm 2024